

Bản án số: 51/2022/HNGĐ- ST

Ngày 15/8/2022

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Ông Nguyễn Sỹ Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị P, sinh năm 1994; nơi ĐKKH: Thôn A, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Thôn Q, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Tô Văn D, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lương Thị P trình bày:***

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 27/8/2013, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2020, nguyên nhân do hai vợ chồng hiếm muộn, chữa chạy nhiều nơi để có con nhưng không có nên từ đó vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình và không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bản thân chị đã dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên ngày 16/6/2020 chị bỏ về nhà đẻ ở cho đến nay. Sau khi chị bỏ về nhà đẻ ở thì anh D có gọi tôi về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý quay lại chung sống cùng anh D nữa. Gia đình hai bên không dàn xếp gì cho anh chị về đoàn tụ. Vợ chồng chính thức ly thân nhau và cắt đứt liên lạc từ đó đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Tô Văn D.

+ *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị P không còn yêu cầu nào khác.

- Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D, nhưng anh D không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, anh D vắng mặt không có lý do.

- Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ của anh Tô Văn D. Bà G trình bày như sau: Anh D và chị P kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, chị P về chung sống cùng anh D và làm dâu ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chị hiếm muộn đã chạy chữa nhiều nơi để có con nhưng không có nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Gia đình đôi bên đã động viên, dàn xếp nhiều lần nhưng không thay đổi. Từ tháng 6/2020 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị P sinh sống, từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh D.

Vợ chồng anh D và chị P chưa có con chung và cũng không có tài sản chung. Nay chị P xin ly hôn với anh D gia đình bà đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về ở

với nhau. Trường hợp không hòa giải được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Thực tế anh D, chị P ly thân đã lâu nên khả năng đoàn tụ là khó.

- Ngày 12/7/2022, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ngày 19/7/2022, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay, chị Lương Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tô Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị P được ly hôn anh Tô Văn D.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Lương Thị P đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Tô Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tô Văn D có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lương Thị P có đơn xin ly hôn với anh Tô Văn D nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị P và anh Tô Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng vào ngày 27/8/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn theo phía chị P là do hai vợ chồng hiếm muộn, chữa chạy nhiều nơi để có con nhưng không có nên từ đó vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình và không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bản thân chị đã dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên ngày 16/6/2020 chị bỏ về nhà đẻ ở cho đến nay. Sau khi chị bỏ về nhà đẻ ở thì anh D có gọi chị về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý quay lại chung sống cùng anh D nữa. Gia đình hai bên không dàn xếp gì cho anh chị về đoàn tụ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Lương Văn H – trưởng thôn A cho biết: Chị P và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có con chung, đã đi chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay chị P xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị P và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị P được ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị P và anh D chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị P và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lương Thị P được ly hôn với anh Tô Văn D.

2. *Về án phí*: Chị Lương Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009559 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị Lương Thị P đã nộp đủ án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã T, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh